

Số: 01/2022/NQ-HĐND

Long An, ngày 29 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 353/2022/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 795/TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 207/BC-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Ban

Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khoá X, Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội (B/c);
- Chính phủ (B/c);
- VP.Quốc hội, VP.Chính phủ (TPHCM) (B/c);
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH (B/c);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài Chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBND tỉnh; UBNDTTQ VN tỉnh;
- Các sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP.UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc Văn phòng (Phòng CT HĐND-02 bản);
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT (NgC).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Được

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An (sau đây viết tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành tỉnh và các cấp chính quyền địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

4. Việc phân bổ cụ thể từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự

kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

5. Việc phân bổ tỷ lệ cụ thể theo từng địa bàn nhưng không vượt quá tổng số tiền được trung ương phân bổ hằng năm.

6. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

1. Quy mô dân số của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2021.

2. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu được Chủ tịch UBND tỉnh công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025.

3. Đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025.

5. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

Điều 5. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển (sau đây viết tắt là ĐBKX)

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn đối với xã ĐBKX vùng bãi ngang, ven biển.

Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển	Hệ số
Vùng bãi ngang, ven biển	1

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

+ Vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho xã ĐBKX vùng bãi ngang, ven biển được tính theo công thức: **$B_i = Q.X_i$**

Trong đó:

B_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho xã thứ i .

X_i là hệ số tiêu chí xã thứ i .

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển thực hiện Dự án 1.

+ Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: bằng 10% tổng vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn của từng địa phương.

Điều 6. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Dự án: tối đa 15% cho các sở, ban ngành tỉnh; tối thiểu 85% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

* Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 10%	0,5
- Từ 10% đến dưới 15%	0,6
- Từ 15% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 500 hộ	0,1
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,2
- Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,3
- Từ 1.500 hộ trở lên	0,4
Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn	
- Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	
- Từ 10 xã trở xuống	1
- Từ 11 đến 13 xã	1,15
- Từ 14 đến 17 xã	1,3
- Trên 17 xã	1,45

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố
Vốn trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình cho các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức sau: $C_i = Q.X_i.Y_i$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i theo công thức: $Y_i = (0,015.XN_i) \times 2,5 + ĐV_i$

XN_i là xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

Điều 7. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 2% cho các sở, ban ngành tỉnh; tối thiểu 98% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

* Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 10%	0,5
- Từ 10% đến dưới 15%	0,6
- Từ 15% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 500 hộ	0,1
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,2

Tiêu chí	Hệ số
- Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,3
- Từ 1.500 hộ trở lên	0,4
Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn	
- Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	
- Từ 10 xã trở xuống	1
- Từ 11 đến 13 xã	1,15
- Từ 14 đến 17 xã	1,3
- Trên 17 xã	1,45

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

Vốn Trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình cho các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức sau: **$\Delta_i = Q.X_i.Y_i$**

Trong đó:

Δ_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i theo công thức: $Y_i = (0,015.XN_i) \times 2,5 + \Delta V_i$.

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện.

ΔV_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 10% cho các sở, ban ngành tỉnh; tối thiểu 90% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

* Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn	
- Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	
- Từ 10 xã trở xuống	1
- Từ 11 đến 13 xã	1,15
- Từ 14 đến 17 xã	1,3
- Trên 17 xã	1,45
Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 20%	1
- Từ 20% đến dưới 25%	1,2
- Từ 25% đến dưới 30%	1,4
- Từ 30% trở lên	1,6

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn Trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức sau: $E_i = Q.Y_i.DD_i$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i theo công thức: $Y_i = (0,015.XN_i) \times 3 + ĐV_i$.

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i.DD_i}$$

G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

Điều 8. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng khó khăn

a) Định mức phân bổ vốn sự nghiệp

- Tối đa 20% tổng kinh phí tiểu dự án cho các sở, ngành cấp tỉnh;
- Tối đa 40% tổng kinh phí tiểu dự án để hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh;
- Tối đa 40% tổng kinh phí tiểu dự án để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

b) Tiêu chí, nguyên tắc, phương pháp phân bổ vốn để hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn.

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 10%	0,5
- Từ 10% đến dưới 15%	0,6
- Từ 15% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 500 hộ	0,1
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,2
- Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,3
- Từ 1.500 hộ trở lên	0,4
Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
Tiêu chí 4: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh	
- Mỗi một trung tâm giáo dục nghề nghiệp	0,1
- Mỗi một trường trung cấp	0,2
- Mỗi một trường cao đẳng	0,3

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố
 Vốn Trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình cho các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức sau: $I_i = Q.X_i$

Trong đó:

I_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thị xã, thành phố theo công thức:

$$X_i = (TL_i + QM_i) \times 3 + (TR_i + TS_i).$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

TR_i là tổng hệ số tiêu chí số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của huyện, thị xã, thành phố thứ i được tính theo công thức:

$$TR_i = 0,3 \times CD_i + 0,2 \times TC_i + 0,1 \times TT_i$$

CD_i là số trường cao đẳng công lập của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

TC_i là số trường trung cấp công lập của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

TT_i là số trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n x_i}$$

G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

* Tiêu chí, nguyên tắc, phương pháp phân bổ vốn để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 10%	0,5
- Từ 10% đến dưới 15%	0,6
- Từ 15% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 500 hộ	0,1

Tiêu chí	Hệ số
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,2
- Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,3
- Từ 1.500 hộ trở lên	0,4
Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	
- Từ 10 xã trở xuống	1
- Từ 11 đến 13 xã	1,15
- Từ 14 đến 17 xã	1,3
- Trên 17 xã	1,45
Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 10.000 người/năm	0,5
- Từ 10.000 người/năm đến dưới 20.000 người/năm	0,6
- Từ 20.000 người/năm trở lên	0,7

+ Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

Vốn Trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình cho các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức sau: **$K_i = Q.X_i$**

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thị xã, thành phố thứ i theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + 0,015.XN_i + ĐV_i + TS_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh các đối tượng của Tiểu dự án trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

a) Định mức phân bổ

- Tối đa 18% tổng kinh phí tiểu Dự án cho các sở, ngành cấp tỉnh;
- Tối thiểu 82% cho huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí, nguyên tắc, phương pháp phân bổ vốn:

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 10%	0,5
- Từ 10% đến dưới 15%	0,6
- Từ 15% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 500 hộ	0,1
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,2
- Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,3
- Từ 1.500 hộ trở lên	0,4
Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	Hệ số
- Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $L_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$

Trong đó:

L_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn của huyện, thị xã, thành phố thứ i quy định theo công thức: $Y_i = 0,015.XN_i$.

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện.

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Định mức phân bổ

- Tối đa 10% tổng kinh phí tiểu dự án cho các sở, ngành cấp tỉnh;
- Tối thiểu 90% cho huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí, nguyên tắc, phương pháp phân bổ vốn:

* Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 10%	0,5
- Từ 10% đến dưới 15%	0,6
- Từ 15% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 500 hộ	0,1
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,2
- Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,3
- Từ 1.500 hộ trở lên	0,4
Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 300.000 người	1
- Từ 300.000 đến dưới 600.000 người	1,3
- Từ 600.000 đến dưới 900.000 người	1,6
- Từ 900.000 đến dưới 1.200.000 người	1,9
- Từ 1.200.000 đến dưới 1.500.000 người	2,2
- Từ 1.500.000 người trở lên	2,5

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố.

Vốn trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình cho các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức sau: $M_i = Q.X_i.Y_i$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Điều 9. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Định mức phân bổ: Tối đa 30% tổng kinh phí tiểu dự án cho cấp tỉnh; tối thiểu 70% cho các địa phương.

b) Tiêu chí, nguyên tắc, phương pháp phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố:

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 10%	0,5
- Từ 10% đến dưới 15%	0,6
- Từ 15% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 500 hộ	0,1
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,2
- Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,3
- Từ 1.500 hộ trở lên	0,4
Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	Hệ số

- Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Từ 10 xã trở xuống	1
- Từ 11 đến 13 xã	1,15
- Từ 14 đến 17 xã	1,3
- Trên 17 xã	1,45

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $N_i = Q.X_i.Y_i + D_i$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i quy định theo công thức: $Y_i = 0,015.XN_i + ĐV_i$.

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

D_i là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G - D}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

Trong đó: G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6; D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Định mức phân bổ: Tối đa 35% tổng kinh phí tiểu dự án cho cấp tỉnh; tối thiểu 65% cho các địa phương.

b) Tiêu chí, nguyên tắc, phương pháp phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố:

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 10%	0,5
- Từ 10% đến dưới 15%	0,6
- Từ 15% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 500 hộ	0,1
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,2
- Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,3
- Từ 1.500 hộ trở lên	0,4
Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	Hệ số
Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Từ 10 xã trở xuống	1
- Từ 11 đến 13 xã	1,15
- Từ 14 đến 17 xã	1,3
- Trên 17 xã	1,45

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $P_i = Q.X_i.Y_i$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i quy định theo công thức: $Y_i = 0,015.XN_i + ĐV_i$

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Tiêu dự án 2, thuộc Dự án 6.

Điều 10. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Định mức phân bổ: Tối đa 25% tổng kinh phí Dự án cho cấp tỉnh; 75% cho các địa phương.

b) Tiêu chí, nguyên tắc, phương pháp phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố:

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 10%	0,5
- Từ 10% đến dưới 15%	0,6
- Từ 15% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Dưới 500 hộ	0,1
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,2
- Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,3
- Từ 1.500 hộ trở lên	0,4
Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	Hệ số
Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
- Từ 10 xã trở xuống	1
- Từ 11 đến 13 xã	1,15
- Từ 14 đến 17 xã	1,3
- Trên 17 xã	1,45

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $R_i = Q.X_i.Y_i$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i quy định theo công thức: $Y_i = 0,015.XN_i + ĐV_i$

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 7.

Điều 11. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách của huyện, thị xã, thành phố thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

1. Ngoài nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương, căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, các huyện, thị xã, thành phố bố trí vốn từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo mục tiêu kế hoạch hàng năm và 5 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó, ưu tiên bố trí thêm nguồn vốn cho xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quy định tỷ lệ đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách.

Các huyện, thị xã, thành phố cân đối ngân sách đối ứng hàng năm tối thiểu từ 3% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Được